

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Hùng

Ông Phạm Đức Hoàn

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 25/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ánh N; sinh năm: 1988; HKTT: Thôn Quang Thắng (nay là thôn Ngù Sẻ), xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn Ngù Sẻ, xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T; sinh năm: 1990; HKTT: Thôn Quang Thắng (nay là thôn Ngù Sẻ), xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá; Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02 Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị N, anh T. Chị N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Ánh N trình bày: Chị và anh Bùi Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 23/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện

Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến tháng 11/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh còn sử dụng ma túy và đã bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02 Thanh Hoá. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc K, sinh ngày 24/10/2010. Hiện cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Văn T trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến tháng 11/2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh đang bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02 Thanh Hoá. Mấy năm nay, tình cảm vợ chồng anh chị cũng không còn, nhưng anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cho con có đầy đủ bố mẹ, chăm sóc cháu được tốt hơn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc K, sinh ngày 24/10/2010. Nếu ly hôn, anh giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh T không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ánh N. Xử cho chị Bùi Thị Ánh N được ly hôn anh Bùi Văn T. Giao cháu Bùi Ngọc K, sinh ngày 24/10/2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự: Chị N và anh T thống nhất về phần con cái và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về phần hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị Ánh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Văn T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị Bùi Thị Ánh N có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Ánh N và anh Bùi Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/11/2009 tại ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra, anh T còn nghiện ma túy và đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02 Thanh Hoá. Việc này đã được chính quyền xã Quang Trung xác nhận và cũng phù hợp với nội dung biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Anh T cũng thừa nhận từ tháng 11/2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và anh nhận thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn. Điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị Ánh N được ly hôn với anh Bùi Văn T.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung. Chị N và anh T đều có nguyện vọng giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện tại cháu đang ở với chị N. Cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Ngoài ra, anh T đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02 Thanh Hoá nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, cũng như theo nguyện vọng của cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị N và anh T, giao cháu K cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền được đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai chị N có nguyện vọng sau khi ly hôn giao cháu K cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N đã được Tòa án giải thích các quy định của pháp luật về người không trực tiếp nuôi

con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị N xác định chị vẫn đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt nên chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị Ánh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Ánh N. Xử cho chị Bùi Thị Ánh N được ly hôn anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Ngọc K, sinh ngày 24/10/2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

Anh T có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Ánh N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số AA/2021/0000072 ngày 10/3/2022. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Quang Trung;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Phạm Thanh Hùng

Phạm Đức Hoàn

Phạm Xuân Thành

